

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2025/DS-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Anh Thư;
- Ông Bò Quốc Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1963; CCCD số: 074163006507; địa chỉ: A khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Quang T, sinh ngày 21/02/1986; CCCD số: 001086037079; địa chỉ: 1 khu phố B, phường A, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/4/2025); Có mặt

- Bị đơn:

Bà Lê Thị N, sinh ngày 10/9/1968; CCCD số: 074168005215; địa chỉ: 1 đường N, khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Ông Trần Thanh H, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ D, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2025, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Y thông qua người đại diện hợp pháp ông Cao Quang T trình bày như sau:

Bà Nguyễn Ngọc Y và bà Lê Thị N, ông Trần Thanh H là hàng xóm nên vợ chồng bà N có vay của bà Y 350.000.000 đồng cụ thể:

Ngày 07/3/2018 vay 200.000.000 đồng;

Ngày 25/7/2019 vay 100.000.000 đồng;

Ngày 25/3/2020 vay 50.000.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, hợp đồng vay không xác định thời hạn. Hàng tháng bà N đều trả tiền lãi. Từ tháng 03/2021, bà N không trả lãi nên bà Y yêu cầu bà N trả tiền nợ gốc và lãi nhưng bà N hứa khi chuyển nhượng được đất sẽ trả. Nhưng ngày 12/02/2025, bà N đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không trả tiền cho bà Y. Do đó, bà Y yêu cầu:

Buộc bà Lê Thị N và ông Trần Thanh H (chồng của bà N) phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Y 501.060.000 đồng (350.000.000 đồng nợ gốc và 151.060.000 đồng nợ lãi tính từ ngày 01/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 52 tháng).

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu tiền lãi 151.060.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị N trình bày: Vợ chồng bà N sinh sống tại tổ D, khu phố K, phường T, Thành phố T nên có quen biết bà Y. Trước đây bà N bán tạp hóa nên cần vốn nên đã vay của bà Y 350.000.000 đồng cụ thể như sau:

Ngày 07/3/2018 vay 200.000.000 đồng;

Ngày 25/7/2019 vay 100.000.000 đồng;

Ngày 25/3/2020 vay 50.000.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận lãi 3%/tháng, hàng tháng N đều trả tiền lãi cho bà Y nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Do bị bệnh và làm ăn khó khăn nên bà N đã không trả tiền lãi cho bà Y đã 04 năm. Bà Y biết hoàn cảnh của bà N khó khăn và bị bệnh nên bà Y cũng không có ý kiến. Do hoàn cảnh hiện nay khó khăn nên bà N đồng ý trả cho bà Y tiền nợ gốc 350.000.000 đồng.

Bà N vay tiền của bà Y là để sử dụng vào việc kinh doanh mua bán và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Bà N vay tiền và trả tiền lãi cho bà Y ông Trần Thanh H (chồng bà N) đều biết và đồng ý.

Bị đơn ông Trần Thanh H vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu tiền nợ lãi nên đề nghị Tòa án đình chỉ đối với tiền lãi. Đối với tiền nợ gốc bà N thừa nhận và đồng ý trả nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Nguyễn Ngọc Y khởi kiện bà Lê Thị N và ông Trần Thanh H liên quan đến hợp đồng vay tài sản nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Thanh H1 có địa chỉ tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và hợp đồng vay được thực hiện tại phường T. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Trần Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ lãi là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà Y và bà N thống nhất trình bày bà N vay của bà Y 350.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, hợp đồng vay không kỳ hạn. Bà N đồng ý trả tiền nợ gốc nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại Tòa án;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Y đối với bà Lê Thị N và ông Trần Thanh H đối với yêu cầu tiền nợ lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Y đối với bà Lê Thị N và ông Trần Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản cụ thể như sau:

Buộc bà Lê Thị N và ông Trần Thanh H phải thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc Y 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị N và ông Trần Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Ngọc Y được miễn tam ứng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THA Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thâm